

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120 /2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn quản lý hải quan đối với kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh.

Thương nhân, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung quy định tại Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quy chế).

Điều 3. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế và một số quy định đặc thù.

1. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế bao gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế, được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế, là hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu và được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

2. Hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được quản lý theo chế độ hàng tạm nhập và được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng nhập khẩu. Thủ tục nhập khẩu thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

3. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế và hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được coi là hàng hóa xuất khẩu và quản lý theo chế độ hàng tạm xuất, được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu. Thủ tục xuất khẩu thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

4. Trường hợp thương nhân cần kéo dài thời hạn hàng tạm nhập, hàng tạm xuất nêu tại khoản 2, 3 Điều này, thương nhân có văn bản đề nghị gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế để được xem xét gia hạn, thời hạn gia hạn 01 lần không quá 180 ngày cho một lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo hợp đồng mua bán.

6. Thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế sử dụng hóa đơn do Bộ Tài chính hoặc do cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền phát hành hoặc hóa đơn tự in được Bộ Tài chính cho phép phát hành theo quy định hiện hành về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn.

7. Hàng hóa kinh doanh bán tại cửa hàng miễn thuế là các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, hàng điện máy bán tại cửa hàng miễn thuế phải được dán tem “VIETNAM DUTY NOT PAID” lên từng mặt hàng.

Tem “VIETNAM DUTY NOT PAID” do Bộ Tài chính phát hành. Vị trí dán tem đối với từng mặt hàng nêu trên thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Đồng Việt Nam, các đồng ngoại tệ USD, EURO là đồng tiền dùng trong giao dịch tại cửa hàng miễn thuế. Theo đó, giá bán được niêm yết trên từng mặt hàng và thực hiện theo tỷ giá của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm niêm yết giá bán.

9. Hải quan không thực hiện niêm phong kho hàng, cửa hàng và không trực tiếp giám sát việc bán hàng.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI THƯƠNG NHÂN KINH DOANH BÁN HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 4: Hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.

1. Thương nhân chỉ được kinh doanh bán hàng miễn thuế khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 2 và khoản 4 Điều 3 Quy chế.

2. Thương nhân phải đảm bảo có hệ thống máy tính nối mạng giữa cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế với Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế (dưới đây gọi tắt là Hải quan) theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Quy chế; cụ thể như sau:

a) Đối với cửa hàng miễn thuế:

- Ngay khi bán hàng, nhân viên bán hàng có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy tính và truyền gửi dữ liệu này qua mạng cho Hải quan các dữ liệu dưới đây:

- + Tên người mua hàng;
- + Số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành;
- + Thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không, gồm nội dung: số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date);
- + Số hiệu vé đã đăng ký ngày xuất cảnh (đối với người chờ xuất cảnh);
- + Tên hàng, số lượng, trị giá.

- Cuối ngày làm việc, nhân viên bán hàng có trách nhiệm truyền gửi dữ liệu qua mạng cho Hải quan về hàng tồn tại cửa hàng (gồm tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá).

b) Đối với kho chứa hàng miễn thuế:

- Ngay khi hàng hóa nhập kho, xuất kho (bao gồm xuất kho lên cửa hàng miễn thuế, xuất kho lên tàu bay) nhân viên quản lý kho có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy và truyền gửi dữ liệu này qua mạng cho Hải quan các dữ liệu dưới đây:

- + Tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá;
- + Hàng nhập kho / xuất kho theo tờ khai hải quan số /ngày ...tháng ... nămtại Chi cục Hải quan cửa khẩu

- Ngày làm việc cuối cùng của tuần, nhân viên quản lý kho có trách nhiệm truyền gửi dữ liệu qua mạng cho Hải quan về hàng tồn tại kho (gồm tên hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá).

3. Thương nhân gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố (nơi thương nhân đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế) hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, kiểm soát đối với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quy định tại khoản 4, Điều 3 Quy chế, hồ sơ đề nghị xác nhận gồm các giấy tờ dưới đây:

- Văn bản đề nghị (kèm sơ đồ mặt bằng): 01 bản chính;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy chứng nhận đầu tư: 01 bản sao có công chứng.

4. Cục Hải quan tỉnh, thành phố sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị của thương nhân và kiểm tra thực tế, có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan kết quả cụ thể để có văn bản xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện kiểm tra, kiểm soát của Hải quan đối với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế mà thương nhân đề nghị.

Điều 5: Trách nhiệm của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Ngoài trách nhiệm quy định tại Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau đây:

1. Cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế chỉ được lưu giữ hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan. Từng mặt hàng trong cửa hàng, kho hàng phải được bố trí, sắp xếp phù hợp, tạo thuận lợi cho Hải quan kiểm tra khi cần thiết.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu hoặc trước khi xuất hàng từ kho đưa lên cửa hàng để bán, thương nhân phải chịu trách nhiệm dán tem “VIETNAM DUTY NOT PAID” lên từng mặt hàng đối với hàng hóa nhập khẩu là các mặt hàng phải dán tem. .

3. Hàng hóa kinh doanh bán hàng miễn thuế quản lý theo chế độ hàng tạm nhập, hàng tạm xuất, do vậy, thương nhân hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa khi làm thủ tục hải quan cũng như khi bán hàng cho các đối tượng mua hàng theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ hàng tháng, thương nhân phải làm báo cáo bán hàng gửi Hải quan (theo mẫu BCBH ban hành kèm theo Thông tư này) vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo để Hải quan kiểm tra, theo dõi (trừ lùi) và thanh khoản tờ khai nhập khẩu.

5. Trên cơ sở báo cáo hàng tháng, định kỳ 06 tháng và hàng năm, thương nhân báo cáo Tổng cục Hải quan về hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN QUẢN LÝ KINH DOANH BÁN HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 6: Trách nhiệm của cơ quan Hải quan.

1. Cơ quan Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế là Chi cục Hải quan (dưới đây gọi tắt là Hải quan) do Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định theo thẩm quyền quy định để giao nhiệm vụ thực hiện quản lý.

2. Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế có trách nhiệm:

a) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế.

b) Thực hiện thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo chế độ hàng tạm nhập, hàng tạm xuất.

c) Căn cứ tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, sổ quản lý theo dõi, báo cáo bán hàng, chứng từ nhập kho, chứng từ xuất kho, chứng từ nhập hàng vào cửa hàng miễn thuế và thực tế hàng hóa tại cửa hàng, kho hàng để thực hiện kiểm tra việc nhập hàng vào kho, xuất hàng ra kho, nhập hàng vào cửa hàng, hàng tồn kho, hàng tồn cửa hàng.

d) Định kỳ hàng tháng, Hải quan thực hiện kiểm tra chứng từ bán hàng của cửa hàng để theo dõi (trừ lùi) và thanh khoản những tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã bán hoặc tái xuất hết số lượng hàng hóa đã nhập khẩu trên tờ khai vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo.

đ) Hải quan quản lý theo dõi mặt hàng nhập khẩu, xuất khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế bằng hình thức mở sổ theo dõi hoặc bằng hình thức theo dõi trên máy tính nối mạng giữa Hải quan với thương nhân..

e) Phối hợp với thương nhân triển khai hệ thống mạng máy tính để tiếp nhận dữ liệu từ thương nhân theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 4 Thông tư này.

g) Quá trình quản lý, theo dõi và thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu nếu phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN VÀ ĐỊNH LƯỢNG MUA HÀNG MIỄN THUẾ.

Điều 7: Đối tượng là người xuất cảnh, quá cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế cửa khẩu xuất cảnh quy định tại điểm a, b, khoản 1, Điều 5 và khoản 1, Điều 6 Quy chế:

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định.

b) Thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không (trường hợp này không yêu cầu người mua hàng xuất trình hộ chiếu để kiểm tra).

c) Trường hợp người xuất cảnh mua hàng miễn thuế với tổng trị giá trên mức đồng tiền dùng trong giao dịch phải khai báo hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì người xuất cảnh khi mua hàng phải xuất trình với nhân viên bán hàng chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trừ trường hợp người xuất cảnh dùng thẻ để rút tiền tại quầy rút tiền đặt trong khu cách ly xuất cảnh hoặc người xuất cảnh mua hàng miễn thuế và thanh toán bằng thẻ.

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

a) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng. Riêng đối với trường hợp người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không thì ghi bổ sung các nội dung: số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date).

b) Lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).

c) Lưu bản sao chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có).

3. Thương nhân được sử dụng hàng miễn thuế để chế biến, bán lẻ tại các nhà hàng, phòng chờ trong khu vực cách ly sân bay quốc tế để phục vụ nhu cầu tại chỗ cho khách chờ xuất cảnh, quá cảnh.

Riêng hóa đơn bán hàng: tại dòng tên người mua hàng ghi “hàng bán lẻ”, không phải ghi các thông tin về số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), các thông tin khác trên hóa đơn phải ghi đầy đủ theo quy định.

4. Trường hợp khách du lịch theo Đoàn bằng đường biển trong ngày, có hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh theo quy định nhưng không có thị thực nhập cảnh, không có tờ khai nhập cảnh / xuất cảnh nếu mua hàng miễn thuế thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, riêng trên hóa đơn bán hàng ghi bổ sung tên tàu biển. Nhân viên cửa hàng chịu trách nhiệm giao hàng cho khách du lịch ngay sau khi khách du lịch hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

Điều 8: Đối tượng là người chờ xuất cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 và khoản 1, Điều 6 Quy chế.

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

a) Hộ chiếu hợp lệ.

b) Vé đã đăng ký ngày xuất cảnh.

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

a) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng (gồm 03 liên); trên hóa đơn bán hàng phải có chữ ký của người mua hàng;

b) Đối với hàng hóa nhỏ lẻ thì đưa hàng hóa, hóa đơn bán hàng (02 liên) vào túi nylon chuyên dụng và niêm phong túi (dùng niêm phong của cửa hàng);

c) Giao túi hàng cho người mua tự bảo quản và người mua có trách nhiệm xuất trình cho Hải quan cửa khẩu nơi người mua xuất cảnh;

d) Lưu hoá đơn bán hàng (01 liên) theo ngày bán hàng.

3. Trách nhiệm của cửa hàng miễn thuế trong nội thành:

a) Đối với hàng hóa có số lượng nhiều, công kênh thì cửa hàng chịu trách nhiệm vận chuyển và phối hợp với Hải quan cửa khẩu để bàn giao số hàng này cho người mua hàng tại khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh.

b) Trường hợp người mua hàng xuất trình hàng cho Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh không đủ hàng theo hóa đơn bán hàng hoặc cửa hàng không có hóa đơn bán hàng (liên có xác nhận của Hải quan cửa khẩu nơi người mua xuất cảnh) trong khi thanh khoản hồ sơ thì cửa hàng có trách nhiệm nộp đủ thuế theo Luật thuế hiện hành đối với số hàng đã bán.

c) Tuân cuối cùng trong tháng, cửa hàng có trách nhiệm liên hệ với Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng đã xuất cảnh làm thủ tục tiếp nhận toàn bộ số hóa đơn bán hàng mà Hải quan đã xác nhận.

4. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh:

a) Tiếp nhận hàng từ người mua hàng hoặc từ cửa hàng miễn thuế trong nội thành;

b) Kiểm tra niêm phong của cửa hàng bán hàng miễn thuế;

c) Kiểm tra thực tế hàng hóa với hóa đơn bán hàng; xác nhận trên hoá đơn bán hàng bằng cách ký tên và đóng dấu công chức vào mặt sau hóa đơn bán hàng (02 liên);

d) Giao 01 liên cho người mua hàng, lưu 01 liên;

đ) Tuân cuối cùng trong tháng, làm thủ tục bàn giao cho cửa hàng toàn bộ số hóa đơn bán hàng mà Hải quan đã xác nhận.

Điều 9: Đối tượng là hành khách trên tàu bay xuất cảnh mua hàng miễn thuế trên tàu bay quy định tại khoản 2, Điều 5 và khoản 1, Điều 6 Quy chế.

1. Người bán hàng hướng dẫn khách mua hàng trên tàu bay ghi đầy đủ nội dung Đơn mua hàng - Order (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này); người bán hàng lưu giữ Đơn mua hàng để làm chứng từ thanh khoản với Hải quan; Đơn mua hàng do doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm in, quản lý và sử dụng.

2. Trong thời gian 24 giờ, kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định của Cảng vụ Hàng không sân bay quốc tế, thương nhân phải nộp cho Hải quan bản kê chi tiết bán hàng của từng chuyến bay xuất cảnh. Nội dung bản kê chi tiết gồm: Họ tên người mua hàng, số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), tên hàng, số lượng, trị giá; Bản kê chi tiết có xác nhận của người bán hàng hoặc người đại diện hợp pháp; hoá đơn tổng để Hải quan làm cơ sở kiểm tra và thanh khoản Phiếu xuất kho.

Điều 10: Đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành quy định tại khoản 3, Điều 5 và khoản 2, Điều 6 Quy chế.

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu, chứng minh thư ngoại giao, công hàm (nếu mua hàng cho cơ quan, tổ chức).
- b) Sổ định mức hàng miễn thuế.
- c) Văn bản uỷ quyền mua hàng (đối với trường hợp mua hàng theo uỷ quyền).
- d) Giấy phép của Cục Hải quan tỉnh, thành phố (đối với mặt hàng là ô tô, xe gắn máy).

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

- a) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng.
- b) Cắt ô tem tương ứng mặt hàng đã bán, dán vào hoá đơn bán hàng.
- b) Lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng.
- c) Lưu các chứng từ c, d quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11: Đối tượng là người được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành quy định tại khoản 3, Điều 5 và khoản 2, Điều 6 Quy chế.

1. Trước khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ sau:

- a) Hộ chiếu.
- b) Văn bản xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (như đối tượng mua hàng là chuyên gia ODA thuộc Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Chính phủ, đối tượng mua hàng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mời về Việt Nam làm việc thuộc Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Chính phủ).

2. Khi bán hàng:

Nhân viên bán hàng có trách nhiệm thực hiện như sau:

- a) Lãnh đạo cửa hàng xác nhận, trừ lùi trên văn bản quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này đối với lượng hàng hóa mua tại cửa hàng.
- b) Ghi đầy đủ, chính xác các nội dung quy định trên hóa đơn bán hàng.
- c) Lưu hoá đơn bán hàng theo ngày bán hàng.

d) Đối với văn bản quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này:

- Lưu bản sao có xác nhận và trừ lùi của lãnh đạo cửa hàng, nếu người mua hàng chưa mua hết lượng hàng được miễn thuế.

- Lưu bản chính có xác nhận và trừ lùi của lãnh đạo cửa hàng, nếu người mua hàng đã mua hết lượng hàng được miễn thuế.

Điều 12. Đối tượng là thuyền viên làm việc trên tàu biển vận tải quốc tế quy định tại khoản 4, Điều 5 và khoản 3, Điều 6 Quy chế

1. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam chờ xuất cảnh:

a) Thuyền viên trên tàu được phép mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế 01(một) lần theo định lượng cụ thể sau:

- Rượu từ 22 độ trở lên: 1,5 lít.
- Rượu dưới 22 độ : 2,0 lít.
- Đồ uống có cồn, bia : 3,0 lít
- Thuốc lá điếu : 400 điếu.
- Xì gà : 100 điếu.

b) Quy định về bán hàng:

- Thuyền trưởng / người đại diện tàu thay mặt thuyền viên lập đơn đặt hàng (có thể sử dụng chứng từ giấy, điện tử như e-mail, fax) mua 01 lần chung cho các thuyền viên.

- Nhân viên bán hàng thực hiện:

- + Kiểm tra đơn đặt hàng, danh sách thuyền viên.
- + Trên hóa đơn ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu của thuyền trưởng / người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh và ký tên vào hoá đơn.
- + Lưu hoá đơn bán hàng, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên để làm cơ sở thanh khoản tờ khai hải quan.

2. Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam chỉ được mua tại cửa hàng miễn thuế nơi tàu xuất cảnh.

a) Quy định về bán hàng:

- Thuyền trưởng / người đại diện tàu lập đơn đặt hàng theo nhu cầu.
- Nhân viên bán hàng thực hiện:
- + Kiểm tra đơn hàng, danh sách thuyền viên.
- + Trên hóa đơn ghi đầy đủ họ tên, số hộ chiếu của thuyền trưởng / người đại diện tàu, số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh và ký tên vào hoá đơn.

+ Lưu hoá đơn bán hàng, đơn đặt hàng và danh sách thuyền viên để làm cơ sở thanh khoản tờ khai hải quan.

b) Hàng hoá mua tại cửa hàng miễn thuế theo đơn đặt hàng phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo (sử dụng ngoài lãnh hải Việt Nam) phải được đưa vào kho của tàu để Hải quan cửa khẩu (nơi tàu xuất cảnh) niêm phong, xác nhận thực xuất (ký tên, đóng dấu công chức Hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.

3. Trường hợp tại cảng biển quốc tế không có cửa hàng miễn thuế thì cửa hàng miễn thuế tại cảng biển thuộc tỉnh, thành phố gần nhất được phép bán hàng miễn thuế cho đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Khi xuất hàng từ kho hàng / cửa hàng vận chuyển đến tàu biển có đặt đơn hàng, thương nhân phải lập Phiếu xuất kho / Phiếu xuất cửa hàng ghi rõ từng mặt hàng, số lượng, trị giá và nộp cho Hải quan cửa khẩu nơi tàu xuất cảnh. Thủ tục bán hàng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

V. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU ĐÃ NỘP THUẾ VÀ HÀNG HÓA SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM ĐƯA VÀO BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

Điều 13: Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

1. Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam bao gồm hàng hoá được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước và hàng hoá được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu.

2. Hàng sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế là mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu. Nếu là mặt hàng xuất khẩu có điều kiện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

Thủ tục đối với hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được coi là hàng hóa xuất khẩu và tuân thủ chính sách mặt hàng theo quy định của pháp luật.

1. Trách nhiệm của thương nhân:

1.1. Thương nhân bán hàng đăng ký tờ khai xuất khẩu (HQ/2002-XK), thương nhân mua hàng (thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế) đăng ký tờ khai nhập khẩu (HQ/2002-NK) như đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán.

a) Riêng đối với hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế thì nộp thêm các chứng từ sau: tờ khai nhập khẩu ban đầu, biên lai thuế các loại (bản sao có xác nhận đóng dấu, ký tên của giám đốc doanh nghiệp).

b) Thủ tục hải quan thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế.

1.2. Hàng ngày, trên cơ sở hoá đơn bán hàng, thương nhân mua hàng có trách nhiệm tổng hợp số hàng đã bán trong ngày để lập báo cáo bán hàng.

1.3. Trên cơ sở sổ theo dõi hoặc sổ liệu theo dõi trên máy tính nối mạng với Hải quan và báo cáo bán hàng trong ngày, khi số hàng nhập khẩu trên tờ khai HQ/2002-NK đã bán hết, thương nhân mua hàng có trách nhiệm thông báo cho thương nhân bán hàng cùng liên hệ với Hải quan để kiểm tra đối chiếu và xác nhận thực xuất

2. Trách nhiệm của Hải quan:

2.1. Hải quan có trách nhiệm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng theo quy định hiện hành.

- Riêng đối với tờ khai HQ/2002-XK: xác nhận đã làm thủ tục hải quan và đóng dấu vào ô 26, chưa xác nhận thực xuất và chưa đóng dấu vào ô 27.

- Theo dõi riêng đối với loại hàng này bằng hình thức mở sổ theo dõi hoặc bằng hình thức theo dõi trên máy tính nối mạng giữa Hải quan với thương nhân.

2.2. Căn cứ điểm 1.3, khoản 1 Điều này Hải quan xác nhận thực xuất vào ô số 27 trên tờ khai HQ/2002-XK (bao gồm bản lưu Hải quan, bản lưu người khai Hải quan) và thanh khoản hồ sơ theo quy định.

2.3. Hải quan thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

VI. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG.

Điều 15. Đối với hàng hóa tái xuất.

1. Thương nhân nộp cho Hải quan các chứng từ sau:

- Văn bản đề nghị tái xuất.
- Giấy phép của Bộ Công Thương (nếu mặt hàng nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Công Thương).

2. Thủ tục tái xuất hàng thực hiện theo quy định hiện hành như thủ tục hải quan đối với lô hàng tái xuất.

Điều 16. Đối với hàng hóa được đưa vào bán ở thị trường nội địa.

1. Thương nhân nộp cho Hải quan các chứng từ sau :

- Văn bản đề nghị hàng hóa chuyển vào bán ở thị trường nội địa, ghi rõ từng mặt hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá.
- Giấy phép của Bộ Công Thương (nếu mặt hàng khi nhập khẩu có giấy phép của Bộ Công Thương).

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa chuyển vào bán ở thị trường nội địa thực hiện theo quy định hiện hành như thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu theo hợp đồng mua bán.

VII. QUY ĐỊNH VỀ THANH KHOẢN HỒ SƠ

Điều 17: Hồ sơ thanh khoản.

Hồ sơ thanh khoản gồm:

- Công văn đề nghị thanh khoản;
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (bản lưu người khai Hải quan): bản chính
- Chứng từ bán hàng cho từng loại đối tượng mua hàng miễn thuế theo quy định tại mục IV Thông tư này: nộp bản sao, xuất trình bản chính;
- Báo cáo bán hàng trong tháng của thương nhân: bản sao;
- Các chứng từ khác (nếu có).

Điều 18: Thủ tục thanh khoản:

1. Mỗi tháng, Hải quan thực hiện thanh khoản tờ khai hải quan đối với hàng hoá đã bán trong tháng một lần vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo. Khi Hải quan kiểm tra, thanh khoản thương nhân phải xuất trình hồ sơ nêu tại Điều 17 Thông tư này và sổ sách, chứng từ quản lý theo dõi hoạt động kinh doanh liên quan của thương nhân (khi Hải quan yêu cầu).

2. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày bán hết hàng hoặc hết thời hạn lưu giữ hàng hóa, thương nhân có trách nhiệm nộp cho Hải quan hồ sơ thanh khoản quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Trong quá trình thanh khoản, nếu xét thấy cần thiết thì Hải quan thực hiện kiểm tra lượng hàng tồn tại kho chứa hàng và tại cửa hàng miễn thuế. Định kỳ hàng năm Hải quan thực hiện kiểm tra hàng tồn kho, tồn cửa hàng.

4. Sau khi thanh khoản tờ khai hải quan, thương nhân phải lưu giữ hồ sơ bán hàng theo chế độ kế toán quy định.

5. Thanh khoản đối với hàng hóa đồ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng:

5.1 Đối với hàng hóa đồ vỡ trong quá trình vận chuyển, bảo quản, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng thì thương nhân phải nộp văn bản giải trình gửi Hải quan, nội dung giải trình nêu rõ lý do và tên mặt hàng, mã số hàng, số lượng, trị giá. Hải quan trên cơ sở nội dung giải trình và thực tế hàng hóa có trách nhiệm xác nhận đối với hàng hóa nêu trên.

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm tổ chức hủy bỏ theo quy định về hủy bỏ phế liệu dưới sự giám sát của Hải quan; báo cáo Tổng cục Hải quan về kết quả hủy bỏ hàng hóa.

5.3. Chính sách thuế đối với hàng hóa đã hủy bỏ thực hiện theo quy định của Luật thuế hiện hành.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 77/2004/QĐ-BTC ngày 28/09/2004 của Bộ Tài chính quy định quản lý hải quan đối với hàng hóa bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện thanh khoản những tờ khai hàng hóa nhập khẩu để kinh doanh bán hàng miễn thuế đã hoàn thành thủ tục trước ngày 01/7/2009.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và thực hiện các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục thuế, Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCHQ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn